

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 24/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng tổ hợp nhà hàng, khách sạn Mường Thanh tại Khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa của Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 119/CV-MT ngày 22/5/2024 của Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên - Khách sạn Mường Thanh Thanh Hóa về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Tổ hợp nhà hàng, khách sạn Mường Thanh thành phố Thanh Hóa tại lô OC1-Khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1354/TTr-STNMT ngày 09 tháng 8 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên - Khách sạn Mường Thanh Thanh Hóa; địa chỉ tại Khu OC1, khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Tổ hợp nhà hàng, khách sạn Mường Thanh thành phố Thanh Hóa với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Tổ hợp nhà hàng, khách sạn Mường Thanh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu OC1, Khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 5600128057-031 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2013; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/11/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa - Phòng đăng ký kinh doanh cấp.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh lưu trú du lịch và nhà hàng ăn uống.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Gồm 216 phòng (192 phòng 02 giường đơn và 24 phòng 01 giường đôi) phục vụ tối đa 432 khách hàng; Khu hội nghị, khu nhà hàng.

- Tổng diện tích: Tổng diện tích sử dụng đất 9.200,13 m<sup>2</sup>.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về mùi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên - Khách sạn Mừng Thanh Thanh Hóa:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên – Khách sạn Mừng Thanh Thanh Hóa:

2.1. Chỉ được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này;

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.**

(từ ngày 20 tháng 8 năm 2024 đến ngày 20 tháng 8 năm 2034).

Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 452/GXN-UBND ngày 05/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

**Nơi nhận:**

- CN DNTN xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên
- Khách sạn Mường Thanh Thanh Hóa (để t/hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND TP Thanh Hóa (để theo dõi);
- UBND P. Đông Vệ, TP Thanh Hóa (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**PHỤ LỤC 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (gồm: nước thải vệ sinh, nhà ăn, tắm rửa tay chân) có lưu lượng 88 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải khu giặt là có lưu lượng 5,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình rửa lọc nước bể bơi (phát sinh không thường xuyên) có lưu lượng 11,0 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

Cơ sở có 02 dòng nước thải ra nguồn tiếp nhận:

- Dòng nước thải số 01: Nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung (xử lý nước thải từ nguồn số 01, 02)
- Dòng nước thải số 02 (Nước thải từ nguồn số 03).

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước Nam thành phố đoạn chảy qua tổ hợp Nhà hàng, khách sạn Mường Thanh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả thải:

- Dòng nước thải số 01 và số 02: Tọa độ vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105<sup>0</sup> múi chiều 3<sup>0</sup>): X=2188410 (m); Y=581325 (m).

2.3. Lưu lượng xả thải tối đa:

- Dòng nước thải số 01: 93,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Dòng nước thải số 02: 11 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Dòng nước thải số 01: Tự chảy.
- Dòng nước thải số 02: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.
- Dòng nước thải số 02: Chỉ xả khi rửa lọc nước bể bơi

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,0) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	5.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại; Nước thải nấu ăn → Bể tách dầu mỡ; Nước thải tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân → Dụng cụ tách rác) → Đường ống PVC D140 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Nước thải giặt là → Đường ống PVC D60 → hố gom → Bể tuyển nổi → Đường ống PVC D140 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc nước bể bơi → Bể cân bằng → Thiết bị lắng lọc → Đường ống PVC D140 → Môi trường tiếp nhận.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình xử lý sơ bộ:

+ Bể tự hoại: 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 300m<sup>3</sup> đặt tại khu vực tòa nhà 16 tầng.

+ Bể tách dầu mỡ: 02 bể tách dầu mỡ trong khu vực nhà bếp có thể tích V = 3,6m<sup>3</sup>/bể, kích thước: D x R x C = 1,5mx1,2m x2m

+ Thiết bị lắng lọc nước rửa bể bơi: Bể cân bằng thể tích 25 m<sup>3</sup>; hệ thống bơm lọc nước bể bơi gồm 3 bình lọc công suất 30,4m<sup>3</sup>/h

+ Thiết bị xử lý nước thải giặt là: Bể tuyển nổi hình trụ, bằng thép không gỉ thể tích 1 m<sup>3</sup>. Hóa chất sử dụng: PAC, Polimer.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bơm qua đồng hồ đo lưu lượng → Hệ thống thoát nước Nam thành phố Thanh Hóa.

+ Công suất: 100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH, NaClO (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Vận hành xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của Trạm xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối nước thải.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy... để thay thế khi cần thiết.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

- Nước thải sẽ được bơm quay về bể thu gom, bể điều hòa và tiếp tục xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường (bơm nước thải được lắp đặt là bơm một chiều).

- Tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải

phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận

- Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (Cơ sở đã được UBND tỉnh Thanh Hoá cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 452/GXN-UBND ngày 05/12/2014).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt công tơ điện riêng; đồng hồ đo lưu lượng nước thải; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**A. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

1.1. Nguồn số 01: Mùi, khí thải từ hoạt động nấu ăn tại nhà hàng, nhà ăn (nguồn phát sinh không liên tục).

1.2. Nguồn số 02: Mùi, khí thải của trạm xử lý nước thải tập trung (nguồn không xác định).

**2. Vị trí, phương thức xả khí thải và nguồn tiếp nhận khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thông hơi từ quạt hút mùi khu vực nhà bếp, tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3<sup>0</sup>) như sau: X= 2198180 (m); Y =548680 (m).

- Dòng khí thải số 02: Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3<sup>0</sup>) như sau: X = 2186510 (m); Y = 583155 (m).

**2.3. Phương thức xả thải:**

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thông hơi, xả thải không thường xuyên chỉ phát sinh khi hoạt động nấu ăn.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải được thải trực tiếp ra môi trường, xả liên tục 24/24h.

**3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

**3.1. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:**

- Nguồn số 01: Mùi, khí thải từ khu vực nhà ăn → Máy hút mùi → Đường ống dẫn khí thải D140 → Môi trường.

- Nguồn số 02: Thoát trực tiếp ra môi trường.

**3.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

**3.3. Quan trắc khí thải định kỳ:**

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

**4. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**



Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**B. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC:**

1. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của khách sạn theo đúng quy trình kỹ thuật.
2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện dự phòng.

1.2. Nguồn số 02: Khu vực máy bơm và động cơ của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện dự phòng với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3<sup>0</sup>): Tọa độ X=2188347; Y=581386 (m);

- Nguồn số 02: Khu vực máy bơm và động cơ hệ thống xử lý nước thải tập trung với tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3<sup>0</sup>): Tọa độ X=2188403; Y=581350 (m);

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 2 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08.02.04	6
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16.01.06	10
3	Pin, ắc quy chì thải	16.01.12	2
4	Dầu nhớt thải	17.02.03	10
5	Chất thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu mỡ)	18.02.01	5
6	Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	18.01.01	1
<b>Tổng (kg)</b>			<b>34</b>

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bùn thải sau khi đã phân định không có thành phần nguy hại	150
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>150</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	81,0
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>81,0</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng chứa có nắp đậy thể tích mỗi thùng 100 lít, phía ngoài dán nhãn, ký hiệu chất thải nguy hại để phân loại theo chủng loại.

#### 2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 9m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng sự cố thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ; bên ngoài có biển cảnh báo CTNH.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

#### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất rắn công nghiệp:

Đối với bùn cặn phát sinh từ các hố ga, hệ thống thu gom nước mưa, bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, thuê đơn vị chức năng nạo hút vận chuyển đi xử lý.

#### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

##### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại mỗi phòng của khách sạn đều: Bố trí 2 thùng đựng rác có nắp đậy loại dung tích 5 lít.

- Tại các tầng của khách sạn và các tuyến đường xung quanh khách sạn: Bố trí các thùng rác công cộng.

##### 2.3.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: Chất thải sinh hoạt không có khả năng tái chế được thu gom vào các thùng chứa theo quy định và vận chuyển đi xử lý hằng ngày. Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế được lưu chứa trong nhà chứa rác khô riêng biệt có diện tích 3m<sup>2</sup>, sau đó bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu chứa rác được xây dựng kiên cố, có mái che, nền bê tông chống thấm, có cửa khóa để an toàn trong công tác quản lý.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng;

có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

## PHỤ LỤC 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường của khách sạn theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

4. Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ khách sạn. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.